

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **41/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 30/7/2025

Về việc: “Ly hôn, giao nuôi con chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng và ông Nguyễn Sơn Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 188/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07/5/2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 04/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 22/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang) (*Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2016, ngày 22 tháng 6 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn Đ, xã Đ (nay xã P). Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 05 năm 2025 chị Trần Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không còn hợp nhau, anh Q đi theo người phụ nữ khác, cuộc sống chung không còn lòng tin vào nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nói nhau.... mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện nay chị và anh Q đang sống ly thân được 3 năm. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q.

- Về con chung: Chị Trần Thị T xác định có 01 người con chung là Trần Gia B, sinh ngày 08/7/2016. Quá trình giải quyết chị T có quan điểm nhận là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Lời khai của cháu Trần Gia B có trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng với mẹ.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Trần Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Đ, xã P, tỉnh Tuyên Quang). Chị T và anh Q kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Đ, xã P, tỉnh Tuyên Quang cùng với gia đình nhà anh Trần Văn Q. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau, anh Q ham chơi không quan tâm tới gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau. Vợ chồng hiện sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Mâu thuẫn đã được gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Hiện tại anh Trần Văn Q không có mặt tại địa phương. Anh Q là lao động tự do, hiện đang đi làm công nhân ở tỉnh Vĩnh Phúc, anh Q vẫn thường xuyên về nhà khi được nghỉ lễ, tết và gia đình có việc

Anh Trần Văn Q làm công nhân ở tỉnh Vĩnh Phúc, không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh Q vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 1 – Tuyên Quang

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Trần Văn Q không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Do vậy, căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Q; giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Trần Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Trần Thị T xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Trần Thị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q và giao nuôi con chung khi ly hôn; không đề nghị giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung. Anh Trần Văn Q đăng ký HKTT tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Đ, xã P, tỉnh Tuyên Quang). Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là *“Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Trần Văn Q nhiều lần nhưng anh Q không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày

22/6/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh Q ham chơi không quan tâm tới gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Tháng 5 năm 2025 chị Trần Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc nên xác định hôn nhân của chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q có 01 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 08/7/2016.

Xét thấy, cháu Trần Gia B là con chung của chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q nên anh chị đều cùng phải có nghĩa và trách nhiệm đối với cháu. Tuy nhiên, do anh Q không có mặt ở địa phương, quá trình giải quyết chị T có quan điểm được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu B và không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Lời khai của cháu Trần Gia B thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Trần Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Trần Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh P chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Q.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2016, ngày 22 tháng 6 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang)

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Trần Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Trần Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh P chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 0001736, ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (**nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1**). Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Trần Văn Q không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang;
- **T.H.A dân sự tỉnh Tuyên Quang;**
- UBND xã P (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Chiến